

## **Phụ lục 05: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**

### **Đánh giá thực trạng hạ tầng hệ thống thủy lợi, đê điều và Nước sạch nông thôn phục vụ sản xuất giai đoạn 2021-2025; định hướng giai đoạn 2026-2030**

#### **I. Đánh giá thực trạng hạ tầng hệ thống thủy lợi, đê điều và Nước sạch nông thôn**

##### **1. Về công tác triển khai thực hiện quy hoạch**

Công tác tham mưu triển khai thực hiện quy hoạch được thực hiện kịp thời, đồng bộ; các nhiệm vụ, giải pháp đề xuất có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể như sau:

- Về tích hợp và cập nhật quy hoạch: Đã hoàn thành việc tích hợp Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi vào Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022; đồng thời rà soát, cập nhật các công trình, dự án trọng điểm vào Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023.

- Về định hướng, chủ trương của Tỉnh ủy: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/11/2020 về khắc phục hậu quả thiên tai và định hướng phòng, ngừa, ứng phó; Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 06/9/2022 triển khai Kết luận số 36-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Về cơ chế, chính sách của HĐND tỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết làm cơ sở triển khai, gồm: Nghị quyết số 250/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về nội dung, mức chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý sự cố đê điều; Nghị quyết số 76/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị quyết số 114/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về hỗ trợ bố trí dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025; Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 124/2024/NQ-HĐND ngày 04/5/2024) về cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới.

- Về tổ chức thực hiện của UBND tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch cụ thể hóa chủ trương, quy hoạch, tiêu biểu như: Kế hoạch số 407/KH-UBND ngày 28/10/2022 thực hiện Kế hoạch số 116-KH/TU; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2023 triển khai Chiến lược thủy lợi đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 05/4/2021 về rà soát, đánh giá an toàn, hiệu quả khai thác công trình thủy lợi; Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 09/6/2021 thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 22/3/2023 thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia và triển khai thu Quỹ phòng, chống thiên tai hằng năm.

##### **2. Về thực trạng công trình (Chi tiết tại các Phụ lục 1.1÷1.8 kèm theo)**

###### **2.1. Hệ thống thủy lợi**

Trên địa bàn tỉnh hiện có 940 công trình thủy lợi đã được đưa vào khai thác, gồm: 348 hồ chứa (tổng dung tích trên 1,57 tỷ m<sup>3</sup>), 86 đập dâng, 494 trạm bơm, 12 cống tiêu thoát lũ lớn và 6.333 km kênh mương các loại<sup>1</sup>. Hệ thống

1. Tổng chiều dài kênh mương các loại trên địa bàn tỉnh là 6.333 km, đã kiên cố hóa là 4.739km/6.333 km, đạt tỷ lệ 74,8% (so với đầu năm 2020 tỷ lệ đạt 66,6%, tăng thêm được 8,2%); trong đó Công ty TNHH MTV thủy lợi quản lý 943 km, đã kiên cố 736 km, đạt

công trình cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và dân sinh, hằng năm: tưới khoảng 56.000 ha lúa vụ Xuân, 44.000 ha lúa vụ Hè Thu, 14.000 ha cây màu; cấp nước cho 2.800 ha nuôi trồng thủy sản; đồng thời cấp nước thô cho sinh hoạt và khu công nghiệp khoảng trên 30 triệu m<sup>3</sup>/năm; góp phần cắt giảm lũ và cải thiện môi trường sinh thái. Tuy nhiên, qua rà soát, hiện vẫn còn nhiều công trình xuống cấp, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, cụ thể: 116 hồ chứa bị hư hỏng (trong đó 44 hồ có nguy cơ mất an toàn cao); 171 trạm bơm và 21 đập dâng cần được sửa chữa, nâng cấp.

## 2.2. Cấp nước sinh hoạt nông thôn

Toàn tỉnh hiện có 29 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung với tổng công suất thiết kế 61.580 m<sup>3</sup>/ngày đêm, công suất khai thác thực tế đạt 28.819 m<sup>3</sup>/ngày đêm (khoảng 44% công suất thiết kế); hiệu suất hoạt động dao động từ 56–91,3%. Ngoài ra có 14 hệ thống đầu nối với công trình cấp nước đô thị và trên 234.000 công trình cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình.

Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch từ công trình tập trung đạt 32,3% (tăng 13,95% so với năm 2020). Dự kiến đến cuối năm 2026, khi hoàn thành thêm 20 dự án<sup>2</sup> đang triển khai, tổng công suất sẽ đạt khoảng 74.080 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cấp nước bổ sung cho khoảng 25.000 hộ dân, nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch từ công trình tập trung lên khoảng 41,14%.

Việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ (theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND<sup>3</sup> và xã hội hóa) đã hỗ trợ 1.182 hộ lắp đặt thiết bị xử lý nước, góp phần nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn tăng thêm 0,4%. Nhìn chung, chính sách bước đầu phát huy hiệu quả, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sức khỏe người dân.

## 2.3. Đê điều và phòng, chống thiên tai

Toàn tỉnh có 29 tuyến đê với tổng chiều dài 315,82 km, gồm 01 tuyến đê cấp II (đê La Giang dài 19,2 km) và 28 tuyến đê cấp IV, V (296,62 km). Đến nay đã đầu tư, nâng cấp được khoảng 265 km (đạt 84%); trong đó: 88,5 km đê sông đảm bảo chống lũ tần suất 10% (đê La Giang đạt tần suất 1%); 176,5 km đê biển, đê cửa sông chống bão cấp 10, tần suất triều 5%. Còn lại khoảng 50,7 km đê chưa được đầu tư, nâng cấp và khép kín. Đối với kè bảo vệ bờ sông, bờ biển đã đầu tư 69 tuyến với tổng chiều dài 101,9 km.

Về hạ tầng phòng, chống thiên tai: có 04 âu tránh trú bão (03 đã đưa vào sử dụng, 01 đang đầu tư); hệ thống quan trắc gồm 11 trạm khí tượng thủy văn, 66 trạm đo mưa tự động, 04 trạm đo mực nước, 07 tháp báo lũ và 213 cột mốc báo lũ, cơ bản đáp ứng yêu cầu theo dõi, cảnh báo.

Tuy nhiên, hệ thống đê điều và công trình phòng, chống thiên tai vẫn còn nhiều tồn tại: một số tuyến đê xây dựng lâu, tiêu chuẩn thấp, mặt đê hẹp, chưa được cứng hóa đồng bộ; mái đê bị xói lở, sụt lún cục bộ; một số kè, công dưới đê xuống cấp, không đảm bảo tiêu thoát lũ. Hiện có 114 trọng điểm xung yếu cần theo dõi, xử lý. Bên cạnh đó, hạ tầng quản lý đê (cột mốc, biển báo, chỉ giới) còn thiếu; tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển diễn biến phức tạp và vi phạm pháp luật về đê điều vẫn xảy ra, ảnh hưởng đến an toàn công trình.

78%; các địa phương quản lý 5.390 km, đã kiên cố hóa 4.003km/5.390 km, đạt tỷ lệ 74,3%, góp phần nâng cao hiệu quả tưới tiêu và giảm thất thoát nước.

2. Gồm: 17 dự án được phân bổ tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh và 03 dự án (Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 08 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê, Công trình cấp nước Khe Xai, huyện Thạch Hà, Công trình cấp nước Trà Sơn, huyện Can Lộc)

3. Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025

### **3. Công tác quản lý**

#### **3.1. Quản lý nhà nước**

Bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Ở cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy lợi, Phòng Quản lý xây dựng công trình) thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp việc trong chỉ đạo, điều hành công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Ở cấp xã, chức năng quản lý nhà nước do các phòng chuyên môn (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Đô thị) đảm nhiệm. Tuy nhiên, đa số chưa có cán bộ chuyên trách về thủy lợi hoặc phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, dẫn đến hạn chế về thời gian, năng lực chuyên môn và hiệu quả xử lý công việc theo phân cấp.

Trong công tác phòng, chống thiên tai, đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; vai trò của cấp ủy, chính quyền cơ sở và cộng đồng ngày càng được nâng cao; lực lượng vũ trang tiếp tục giữ vai trò nòng cốt, xung kích trong ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

#### **3.2. Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng công trình**

##### *a) Đối với công trình thủy lợi*

UBND tỉnh đã ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi (Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND) và danh mục phân cấp cụ thể (Quyết định số 586/QĐ-UBND), theo đó: Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Tĩnh quản lý các công trình quy mô lớn, liên huyện (70 hồ chứa, 09 đập dâng, 38 trạm bơm, 12 cống lớn); Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vũng Áng (Doanh nghiệp tư nhân) quản lý 01 đập dâng; UBND cấp xã quản lý phần lớn công trình còn lại (277 hồ chứa, 77 đập dâng, 456 trạm bơm và hệ thống kênh mương).

Toàn tỉnh có 237 tổ chức hợp tác dùng nước với 1.069 lao động tham gia quản lý, vận hành. Tuy nhiên, nguồn nhân lực còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; phần lớn chưa qua đào tạo chuyên môn, dẫn đến công tác vận hành, duy tu, lưu trữ hồ sơ còn bất cập; thiếu kinh phí bảo trì nên nhiều hư hỏng không được xử lý kịp thời, làm giảm hiệu quả và tuổi thọ công trình.

Bên cạnh đó, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều tổ chức quản lý thủy nông cơ sở chưa được kiện toàn; có tình trạng một xã tồn tại nhiều hợp tác xã dùng nước hoặc chưa thành lập tổ chức quản lý theo quy định, gây khó khăn trong tổ chức vận hành.

##### *b) Đối với công tác quản lý đê điều*

UBND tỉnh đã ban hành quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân (Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND). Theo đó: Tuyến đê cấp II (đê La Giang) do Chi cục Thủy lợi trực tiếp quản lý; các tuyến đê cấp IV, V được giao UBND cấp xã quản lý. Đối với tuyến đê cấp II, lực lượng chuyên trách có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, đối với các tuyến đê cấp IV, V, do không có lực lượng chuyên trách, các địa phương đã thành lập 124 lực lượng quản lý đê nhân dân nhưng chất lượng chưa đồng đều, thiếu chuyên môn sâu, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, đặc biệt trong mùa mưa bão.

##### *c) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn*

Hiện nay, công trình cấp nước sạch nông thôn được quản lý theo 03 loại hình: đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và UBND cấp xã (thông qua hợp tác xã, cộng đồng). Cụ thể: Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý 11 công trình; UBND cấp xã và cộng đồng quản lý 17 công trình; Doanh nghiệp quản lý 01 công trình. Đối với 14 hệ thống đầu nối từ công trình cấp nước đô thị, doanh nghiệp quản lý 12 mạng lưới, UBND cấp xã quản lý 02 mạng lưới.

Nhìn chung, các công trình do đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp quản lý hoạt động tương đối hiệu quả; trong khi đó, các công trình do UBND cấp xã quản lý còn vận hành thiếu ổn định, hiệu quả thấp, thiếu tính bền vững, thậm chí có công trình đã dừng hoạt động.

#### **4. Về công tác đầu tư giai đoạn 2021-2025**

##### **4.1. Về công trình thủy lợi, đê điều và PCTT**

- Đối với công trình đê điều và PCTT: Từ năm 2021 đến nay đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa được 7 tuyến đê<sup>4</sup> với tổng chiều dài 41,5km, với tổng kinh phí 845 tỷ đồng; xây dựng 15 tuyến kè<sup>5</sup> với tổng chiều dài 29km, với tổng kinh phí 916 tỷ đồng

- Đối với công trình kè bờ sông: Từ năm 2021 đến nay đã thực hiện xây dựng 15 tuyến kè với tổng chiều dài 11,6km.

##### **4.2. Đối với công trình thủy lợi:**

Từ năm 2021 đến nay đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa được 95 công trình thủy lợi, kinh phí 553 tỷ đồng (trong đó: Đã nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới được 43 công trình đập hồ chứa với tổng kinh phí 401 tỷ đồng; 52 công trình trạm bơm các loại với tổng kinh phí 152 tỷ đồng);

Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, nạo vét các tuyến kênh, trục tiêu thoát chính: Xây dựng kênh Cầu Đông và nâng cấp kênh chính Linh Cảm thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 2), với tổng kinh phí 1.240 tỷ đồng; Hiện nay đang triển khai thực hiện một số dự án trọng điểm như: Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ (950 tỷ đồng); Dự án Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và thị xã Hồng Lĩnh (250 tỷ đồng); Dự án Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận (484 tỷ đồng)

##### **4.3. Về Công tác đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn**

<sup>4</sup> Bao gồm: Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (giai đoạn 1) đoạn từ K32+693,87 đến K37+411,66 thuộc dự án Tuyến đê biển huyện Nghi Xuân (đoạn K27+00 - K37+411,66) từ xã Cổ Đạm đến đê Đại Đồng, xã Cương Gián; Củng cố, nâng cấp tuyến đê biển, đê cửa sông kết hợp giao thông dọc bờ biển Lộc Hà; Khắc phục, sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh; Khắc phục, sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Hữu Nghèn, huyện Thạch Hà; Tiểu dự án thành phần Khôi phục, sửa chữa nâng cấp tuyến đê Tả Nghèn, huyện Lộc Hà; Xử lý cấp bách đê Tân Long từ K0+00 đến K3+00, huyện Hương Sơn; Củng cố, nâng cấp tuyến đê Đồng Môn, thành phố Hà Tĩnh (giai đoạn 2) đoạn từ cầu Cày (K0) đến cầu Hộ Độ (K5+340). Đối với các tuyến đê: Cầu Đông 1 - Cầu Đông 2; Cầu Núi - Cầu Phụ Lão (TP Hà Tĩnh) đã được đưa vào dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, hiện đang triển khai thi công.

<sup>5</sup> Bao gồm: Kè chống sạt lở bờ sông Trí đoạn qua phường Hưng Trí thị xã Kỳ Anh; Kè bờ tả sông La đoạn qua các xã Trường Sơn và Liên Minh (đoạn từ K1+120,94 ÷ K2+098,02 và K3+437,86 đến K4+240,95); Kè bờ tả sông Ngàn Sâu, xã Sơn Long, huyện Hương Sơn; Khắc phục cấp bách kè chống sạt lở bờ sông hạ lưu cầu Chợ Vực, xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên; Xử lý sạt lở bờ sông Rác đoạn qua xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên; Xử lý sạt lở bờ sông La đoạn từ công Đức Nhân đến kè bảo vệ bờ xã Bùi La Nhân; Kè bảo vệ bờ sông Rào Cái đoạn từ K1+163,50 đến K1+812,20 (dài 648,7m); Kè bờ tả sông La đoạn qua xã Trường Sơn và Liên Minh, huyện Đức Thọ đoạn từ K0+217,37 đến K0+668,29 (đoạn tuyến 2); Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Lộc Yên, huyện Hương Khê (Giai đoạn 1: Đoạn 1, tuyến 1); Xử lý sạt lở bờ sông Đập Đình, xã Trung Lộc, huyện Can Lộc; Kè chống sạt lở sông Ngàn Trươi đoạn qua xã Hương Minh, huyện Vũ Quang (từ K0+00 đến K0+239,8); Xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Phố đoạn qua các xã Sơn Long, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Sơn Trung, huyện Hương Sơn; Kè chống sạt lở sông Ngàn Trươi đoạn qua xã Hương Minh, huyện Vũ Quang (từ K0+239,8 đến K0+673,4); Kè bờ hữu sông Ngàn Sâu; Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Gia Phố, huyện Hương Khê

Từ năm 2021 đến nay đã và đang triển khai 35 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung với tổng nguồn vốn trên 1.200 tỷ đồng<sup>6</sup>, ngoài ra còn có một số dự án do UBND xã, Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh bố trí nguồn vốn để mở rộng mạng lưới từ hệ thống cấp nước đô thị để phục vụ nhân dân thuộc địa bàn các xã vùng lân cận.

#### **4. 4. Về kiên cố hóa kênh mương nội đồng**

Giai đoạn từ 2020-2025 bằng nhiều nguồn lực (chương trình, dự án, chính sách, ...) toàn tỉnh đã kiên cố hóa được 407km kênh mương, với tổng kinh phí 265 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho 908 ha, kinh phí 54,48 tỷ đồng;

*(Chi tiết tại các Phụ lục 2.1÷2.5 kèm theo)*

### **5. Thực trạng và các tác động, ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh**

Hà Tĩnh là địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn và sạt lở đất. Trong những năm gần đây, thiên tai diễn biến ngày càng cực đoan gây thiệt hại nặng nề về đời sống dân sinh, cơ sở hạ tầng (trong đó có hệ thống hạ tầng thủy lợi và đê điều); đặc biệt là trận lũ chồng lũ năm 2020 gây thiệt hại hơn 6.000 tỷ đồng và các cơn bão lịch sử số 5, số 6, số 10 năm 2025 gây thiệt hại khoảng 10.000 tỷ đồng.

Thời gian qua, được sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, cùng với sự nỗ lực của các cấp chính quyền và nhân dân trong tỉnh. Nhiều dự án lớn, trọng điểm được triển khai đảm bảo tiến độ; các công trình hạ tầng thiết yếu như thủy lợi, đê điều, giao thông... được đầu tư, góp phần bảo đảm an toàn cho người dân sinh sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh địa phương. Tuy vậy, biến đổi khí hậu trong những năm tới được dự báo là càng làm tăng thêm những tác động bất lợi đến khu vực như: gia tăng lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và nước biển dâng, ... và theo nhận định của các cơ quan khí tượng thủy văn thì thời tiết, thiên tai trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới hết sức phức tạp, mưa, lũ, ngập lụt có thể xảy ra ở các vùng trũng thấp; lũ quét, sạt lở đất ở các khu vực miền núi; bão, bão mạnh có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản của Nhân dân và Nhà nước, đặc biệt gia tăng áp lực ngày càng lớn lên hệ thống công trình hạ tầng thiết yếu như thủy lợi, đê điều, PCTT.... nếu không được đầu tư nâng cấp kịp thời, nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn dân cư và phát triển kinh tế – xã hội là hiện hữu.

## **II. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

Bên cạnh các kết quả đạt được, hệ thống thủy lợi, đê điều và cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, khó khăn chủ yếu sau:

### **1. Tồn tại, hạn chế**

#### **a) Đối với công trình thủy lợi**

- Phần lớn công trình, đặc biệt là hồ chứa, được xây dựng từ 40–50 năm trước, tiêu chuẩn kỹ thuật thấp, không còn phù hợp với điều kiện khí hậu cực

6. Bao gồm: 11 công trình cấp nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh (phân bổ kinh phí 180 tỷ đồng); 02 công trình cấp nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 219/NQHĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh (phân bổ kinh phí 30 tỷ đồng); 17 công trình cấp nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh (phân bổ kinh phí 482,2 tỷ đồng); 03 công trình cấp nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 của HĐND tỉnh (phân bổ 34 kinh phí tỷ đồng); Tiểu dự án nước sạch cho một số xã thuộc huyện Lộc Hà, Can Lộc thuộc dự án BIIG2 (tổng mức đầu tư 215 tỷ đồng); Dự án Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho Nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận (tổng mức đầu tư 229,46 tỷ đồng);

đoan hiện nay; nhiều công trình đã xuống cấp nhưng chưa được bố trí đủ nguồn lực để sửa chữa, nâng cấp kịp thời, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn<sup>7</sup>.

- Thiếu kinh phí đầu tư hệ thống quan trắc, giám sát vận hành và cảnh báo sớm; việc triển khai các yêu cầu theo quy định của pháp luật (Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước...) còn hạn chế, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều tiết, đặc biệt trong mùa mưa lũ.

- Năng lực của các tổ chức quản lý thủy lợi cơ sở còn hạn chế<sup>8</sup>; thiếu nhân lực chuyên môn và nguồn kinh phí duy tu, bảo dưỡng, dẫn đến công tác vận hành, khai thác chưa hiệu quả.

- Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa tại một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; tình trạng vi phạm, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình còn xảy ra; việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, vận hành còn chậm.

### **b) Đối với đê điều và phòng, chống thiên tai**

Hệ thống tiêu thoát lũ tự nhiên bị bồi lắng, thu hẹp tại nhiều khu vực, làm giảm khả năng thoát lũ, đặc biệt ở các vùng hạ du và miền núi (như là một số tuyến thuộc vùng hạ du Kẻ Gỗ, hệ thống rào Mỹ Dương; hệ thống tiêu thoát lũ đập sông Quèn, kênh Xô Viết, đập sông Nạc, hệ thống tiêu thoát lũ thuộc các vùng Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ ...).

Tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ đê điều (trồng cây, xây dựng công trình, nuôi trồng thủy sản...) vẫn diễn ra; công tác kiểm tra, xử lý ở một số địa phương còn chậm, chưa triệt để (như đê Hữu Nghèn, Tả Nghèn, Đồng Môn, Kỳ Thọ, Hoàng Đình, Hoà Lộc).

Hạ tầng quan trắc, dự báo và cảnh báo thiên tai còn thiếu và chưa đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dự báo mưa, lũ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hỗ trợ ra quyết định.

### **c) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn**

Nhiều công trình được đầu tư từ trước năm 2010 có công nghệ lạc hậu, xuống cấp, vận hành không ổn định, tỷ lệ thất thoát nước cao (trên 35%, điển hình như CTCN Bắc Cẩm Xuyên, CTCN xã Thạch Bằng, CTCN Khánh Lộc...), hiệu quả khai thác thấp.

Các công trình do UBND cấp xã, hợp tác xã hoặc cộng đồng quản lý còn hạn chế về năng lực chuyên môn, thiếu tự chủ tài chính; công tác vận hành, duy tu không thường xuyên, dẫn đến hiệu quả thấp, thiếu bền vững hoặc dừng hoạt động<sup>9</sup>.

Một số công trình mới đầu tư<sup>10</sup> nhưng tỷ lệ đầu nổi thấp do nhu cầu sử dụng nước chưa cao<sup>11</sup>, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác; tại vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, do địa hình phức tạp, dân cư phân tán nên suất đầu tư lớn,

7. Toàn tỉnh hiện nay vẫn còn: 116 hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp, trong đó 44 hồ có nguy cơ mất an toàn cao; 171 trạm bơm và 21 đập dâng cần được sửa chữa, nâng cấp.

8. Hiện nay, sau khi sáp nhập xã và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phần lớn các Hợp tác xã chưa được củng cố, kiện toàn lại (trên địa bàn 01 xã đang có từ 2 đến 3 Hợp tác xã có hoạt động dịch vụ dùng nước) và nhiều xã chưa thành lập tổ chức quản lý công trình thủy lợi theo đúng quy định dẫn đến hoạt động của các tổ chức này còn nhiều bất cập, khó khăn.

<sup>9</sup> Công trình thất thoát nước lớn: (i) Công trình cấp nước xã Kim Lộc, công trình cấp nước sinh hoạt xã Bắc Sơn; Công trình cấp nước xóm Chiến Thắng - xã Vĩnh Lộc; (ii) Công trình cấp nước sinh hoạt xã Tiên Lộc; (iii) Công trình cấp nước xã Hương Trạch, công trình cấp nước sinh hoạt xã Thọ Điền; (iv) Công trình cấp nước sinh hoạt xã Quang Thọ;...đặc biệt có một số công trình không còn hoạt động, rất khó có thể khôi phục, sửa chữa hoặc nếu khôi phục, nâng cấp thì chi phí đầu tư lớn như: (v) Công trình cấp nước sinh hoạt xóm Phúc Giang, xã Vĩnh Lộc; (vi) Công trình cấp nước sinh hoạt xã Đức Lạng;

<sup>10</sup> Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và vùng phụ cận, đến nay mới chỉ cấp nước cho 4.222 hộ dân, trong đó có 4.158 hộ chuyển từ các nhà máy nước Gia Phố và Nhà máy nước thị trấn Hương Khê qua, mới chỉ đầu nổi thêm được 64 hộ từ khi dự án hoàn thành.

<sup>11</sup> Người dân đang có quan niệm i lại dùng nước từ công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào, thiết bị lọc nước).

khó thu hút nguồn lực xã hội hóa, hạn chế khả năng đầu tư hệ thống cấp nước tập trung.

Việc sử dụng thiết bị lọc nước hộ gia đình còn tồn tại bất cập: chi phí vận hành, bảo trì cao; yêu cầu thay thế vật tư định kỳ; hiệu quả xử lý không ổn định nếu không bảo dưỡng đúng quy trình; tỷ lệ nước thải lớn gây lãng phí tài nguyên nước, đặc biệt tại các khu vực nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

## **2. Nguyên nhân**

### **a) Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

Trong quá trình xây dựng và phát triển, ngành thủy lợi Hà Tĩnh luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế; đồng thời có sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh qua các thời kỳ.

Bên cạnh đó, đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong triển khai thực hiện. Nhờ đó, hệ thống thủy lợi được đầu tư tương đối đồng bộ trên toàn tỉnh, góp phần quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm an ninh lương thực, giảm nghèo bền vững; đồng thời tham gia cắt, giảm lũ, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và cải thiện môi trường sinh thái.

### **b) Nguyên nhân khách quan**

- Diễn biến thiên tai ngày càng cực đoan, khó lường do tác động của biến đổi khí hậu (mưa lớn cục bộ, lũ vượt tần suất thiết kế, bão mạnh, nước biển dâng...), trong khi phần lớn công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn cũ, làm gia tăng rủi ro mất an toàn.

- Điều kiện tự nhiên phức tạp, địa hình chia cắt mạnh, nhiều khu vực ven biển, cửa sông, miền núi thường xuyên chịu tác động tổng hợp của bão, lũ, sạt lở, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và đầu tư nâng cấp công trình.

- Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế so với nhu cầu rất lớn về sửa chữa, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công trình, dẫn đến đầu tư chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội nhanh làm gia tăng các hoạt động xây dựng ven sông, ven biển, khai thác tài nguyên, thay đổi dòng chảy tự nhiên..., phát sinh nhiều yếu tố rủi ro mới, gây áp lực lớn cho công tác quản lý.

### **c) Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt, thiếu tính chủ động, chưa chú trọng đúng mức đến công tác phòng ngừa từ sớm, từ xa.

- Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thủy lợi, đề điều, phòng, chống thiên tai còn hạn chế, đặc biệt ở cấp cơ sở; phần lớn kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn sâu và kỹ năng ứng dụng công nghệ.

- Sự phối hợp giữa các ngành (giao thông, xây dựng, thủy lợi...) chưa chặt chẽ; việc khai thác tài nguyên, nhất là rừng đầu nguồn, chưa gắn với phục hồi, tái tạo, làm suy giảm khả năng điều tiết nước trên lưu vực.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng chưa thường xuyên; ý thức chấp hành pháp luật về thủy lợi, đề điều và chủ động phòng tránh thiên tai của một bộ phận người dân còn hạn chế; tình trạng vi phạm, lấn chiếm công trình vẫn xảy ra.

- Cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực xã hội hóa còn chưa đủ hấp dẫn, chưa khuyến khích được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm và cấp nước sạch nông thôn.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Một là, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vai trò, tầm quan trọng của công tác thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu, qua đó tăng cường trách nhiệm trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

- Hai là, tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác công trình; trong điều kiện ngân sách hạn chế, cần đẩy mạnh xã hội hóa để huy động nguồn lực cho duy tu, bảo dưỡng.

- Ba là, chủ động tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương; ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn, tránh thất thoát, lãng phí.

- Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và chỉ đạo điều hành lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai.

- Năm là, vận dụng linh hoạt phương châm “4 tại chỗ” phù hợp với điều kiện từng địa phương, giữ vai trò quyết định trong giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

## **III. Mục tiêu, nội dung và giải pháp cho giai đoạn 2026-2030**

### **1. Mục tiêu chung:**

Nâng cao hiệu quả hệ thống thủy lợi, đề điều nhằm phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế – xã hội bền vững, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **2. Một số mục tiêu cụ thể**

Các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu trong quy hoạch tỉnh, Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2023 triển khai thực hiện Chiến lược thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 09/6/2022 về thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Hà Tĩnh.

- Về cấp nước: Đảm bảo tưới cho 85% diện tích lúa 2 vụ; 70% diện tích cây trồng cạn được tưới chủ động; 30% diện tích áp dụng tưới tiết kiệm nước; 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tăng cường khả năng cấp nước cho các khu đô thị, khu công nghiệp và khu kinh tế.

- Về tiêu thoát nước: Nâng cao năng lực tiêu thoát lũ cho các vùng sản xuất nông nghiệp và khu dân cư; chủ động tiêu thoát lũ cho khu đô thị; Giảm thiểu tình trạng ngập úng do mưa lớn; Nâng cao năng lực tiêu úng và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.

- Về phòng chống thiên tai: Nâng cấp hệ thống đề điều đảm bảo tiêu chuẩn phòng chống lũ; Xử lý triệt để các trọng điểm xung yếu trên các tuyến đê; Hoàn thiện hệ thống dữ liệu số về phòng chống thiên tai; Nâng cao năng lực cộng đồng và hệ thống cảnh báo sớm. Thông qua Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đảm bảo 90% các xã,

phường được tổ chức tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai và phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho người dân. 100% các địa phương, đơn vị xây dựng được phương án ứng phó với thiên tai sát với thực tế, phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực và từng địa phương nhằm chủ động phòng tránh, ứng phó để giảm thiểu thiệt hại khi có thiên tai xảy ra;

### **3. Những định hướng đến năm 2030**

#### **3.1. Về cấp nước**

##### **a) Tưới cho lúa**

- Đầu tư xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp và tiến tới hiện đại hóa hệ thống thủy lợi đã có nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các công phục vụ đa mục tiêu.

- Nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng đường giao thông nội đồng, đôn điền, đổi thửa để có thể áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập của người dân.

- Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong việc xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng, giảm tổn thất nước, tăng khả năng thích ứng với chuyển đổi ruộng đất theo hướng tiên tiến, hiện đại.

- Đối với các địa phương vùng núi diện tích sản xuất nhỏ, phân tán, ứng dụng giải pháp tưới bằng đường ống thay thế dần biện pháp tưới bằng kênh hở để tiết kiệm nước, tăng khả năng chống sạt lở, bồi lấp, giảm chi phí duy tu, bảo dưỡng.

##### **b) Tưới cho cây trồng cạn**

- Xây dựng hệ thống thủy lợi tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa) cho cây trồng cạn chủ lực (cam, bưởi, chanh, chè nguyên liệu, cỏ cho chăn nuôi...).

- Sử dụng giải pháp tưới tiết kiệm nước cho diện tích đất lúa kém hiệu quả ở vùng miền núi, bãi ngang ven biển chuyển sang trồng rau, củ quả và trồng cây thức ăn cho chăn nuôi.

##### **c) Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản**

Áp dụng các giải pháp cấp nước hiện đại, tiết kiệm và bảo vệ môi trường cho các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung, nuôi công nghiệp.

##### **d) Cấp nước sinh hoạt nông thôn**

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư nhiều công trình cấp nước sạch có quy mô lớn, nguồn nước thô sử dụng từ các hồ chứa có chất lượng, trữ lượng nước đảm bảo (*Công trình cấp nước Ngàn Trươi, Công trình cấp nước Khe Xai, Nhà máy nước Cu Lây, Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 08 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê...*). Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 có 65% người dân nông thôn được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung, trước mắt giai đoạn 2026-2030 cần tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới các công trình hiện có, đảm bảo phát huy tối đa công suất của công trình; ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các công trình cấp nước đô thị để cấp nước cho vùng nông thôn lân cận.

- Đối với các công trình xây dựng mới trong giai đoạn, tập trung ưu tiên thực hiện xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng chuyên nhượng công trình cho các tổ chức, cá

nhân có năng lực quản lý, vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ cho người dân nông thôn.

- Đối với những vùng đã có công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, tuy nhiên việc đầu nối, sử dụng còn hạn chế thì giao UBND các xã vùng dự án tăng cường tuyên truyền, vận động người dân hiểu rõ lợi ích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung và những nguy cơ từ việc sử dụng nước không hợp vệ sinh; vận động lắp đặt, đầu nối đồng hồ và sử dụng nước máy.

- Đối với hộ dân vùng nông thôn thuộc các xã không có quy hoạch xây dựng công trình cấp nước tập trung, hiện đang sử dụng nguồn nước từ các công trình: giếng khoan, giếng đào, lu, bể chứa nước mưa, nguồn nước từ các ao hồ, sông, suối để sinh hoạt mà chưa đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; các hộ dân vùng núi cao, vùng dân cư thưa thớt không thể đầu nối được với hệ thống mạng lưới cấp nước của các nhà máy cấp nước tập trung, ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án và có chính sách để hỗ trợ người dân lắp đặt các thiết bị xử lý nước hộ gia đình với phương châm “người dân là chủ đạo, nhà nước hỗ trợ một phần”.

### **3.2. Về phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai**

#### **a) Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ đập**

- Rà soát, đánh giá thực trạng toàn bộ các hồ chứa, tổ chức kiểm định đập, đánh giá lại khả năng xả lũ của hồ chứa có xét đến BĐKH và phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành, từng bước nâng mức đảm bảo theo chuẩn mực quốc tế cho các hồ chứa lớn.

- Tăng cường đảm bảo an toàn cho các hồ chứa nước và vùng hạ du, đặc biệt đối với các hồ chứa nước lớn, hồ chứa có hạ du là khu dân cư tập trung hoặc cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, công trình quan trọng Quốc gia.

- Đầu tư lắp đặt các thiết bị giám sát, theo dõi, dự báo mưa, lũ cho các hồ chứa lớn. Tổ chức vận hành điều tiết các hồ chứa nước theo thời gian thực, tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn cho vùng hạ lưu khi xả lũ và trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập.

- Quản lý chặt chẽ công tác về an toàn đập từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành. Việc xây dựng mới, nâng cấp các hồ chứa phải tính đến các giải pháp đồng bộ, thuận tiện trong quản lý, sửa chữa và ứng phó khi thiên tai xảy ra.

#### **b) Nâng cao khả năng phòng chống thiên tai**

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống đê điều đảm bảo chống được lũ, bão theo tần suất thiết kế.

- Rà soát, đánh giá tổng thể tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển trên tất cả các lưu vực từ đó đưa ra các giải tổng thể kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; giải pháp xây dựng công trình bảo vệ gắn với việc di dân đảm bảo hiệu quả về kinh tế, xã hội và an toàn.

- Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và biện pháp thích hợp cho từng vùng. Thực hiện có hiệu quả các chương trình trong Đề án nâng cao nhận thức và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực thường bị ngập lụt để nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai của cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sống thích nghi và chủ động ứng phó với thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho lưu vực sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố; xây dựng quy hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho từng vùng, từng địa phương; xây dựng lộ trình thực hiện và theo dõi, kiểm tra, giám sát qua bộ chỉ số đánh giá.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn; nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo sớm các loại hình thiên tai như bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất; bảo đảm thông tin cảnh báo được truyền tải kịp thời đến chính quyền các cấp và người dân. Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến trong dự báo, cảnh báo thiên tai, nhằm chủ động đối phó khi thiên tai xảy ra.

- Nạo vét các cửa sông, các trục thoát lũ chính, đặc biệt hệ thống thoát lũ hạ du các hồ chứa nước lớn như hệ thống thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, Sông Rác; các trục tiêu thoát lũ nội đồng, khu vực đô thị đảm bảo tiêu thoát lũ nhanh. Kiên cố một số trục tiêu chính, xây dựng hệ thống tiêu chủ động cho thành phố Hà Tĩnh và các khu sản xuất công nghiệp tập trung theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, đáp ứng với điều kiện BĐKH, nước biển dâng.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai và phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho người dân;

- Bố trí đầy đủ trang thiết bị theo quy định cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để hoạt động có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở cơ sở;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện các phương án ứng phó với từng loại hình thiên tai; xây dựng phương án sơ tán dân tại các khu vực có nguy cơ cao; tổ chức diễn tập để nâng cao khả năng chỉ huy, điều hành và phối hợp khi xảy ra thiên tai.

- Tăng cường huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng; sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

#### **4. Các giải pháp chủ yếu**

##### **4.1. Về Quy hoạch**

Tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trong Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển của các ngành, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong điều kiện BĐKH với một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Rà soát, đánh giá và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các hệ thống thủy lợi phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ mới, đảm bảo phát huy hiệu quả hệ thống công trình phục vụ đa mục tiêu, bao gồm: đánh giá cơ sở hạ tầng thủy lợi, phương thức tổ chức quản lý khai thác, năng lực của đội ngũ các bộ, công nhân được giao quản lý, vận hành, hiện trạng và khả năng mở rộng cung cấp dịch vụ.

- Rà soát, điều chỉnh, quy hoạch hệ thống kênh mương nội đồng trong quy hoạch vùng, quy hoạch nông thôn mới phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của từng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho phương thức canh tác tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nước.

- Đánh giá quá trình phát triển hạ tầng giao thông, đô thị hóa, tác động can thiệp hạ du, tăng cường quản lý đất vùng hạ lưu liên quan tới quy hoạch lũ.

- Rà soát bổ sung quy hoạch tái tạo, phát triển và nâng cao chất lượng rừng và thảm phủ đầu nguồn thuộc lưu vực sinh thủy các sông, hồ, đập thủy lợi.

#### **4.2. Về thủy lợi:**

- Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa, đập dâng và trạm bơm hư hỏng, xuống cấp (116 hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp, trong đó 44 hồ có nguy cơ mất an toàn cao; 171 trạm bơm và 21 đập dâng) nhằm đảm bảo an toàn công trình, nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu cấp nước phục vụ sản xuất và các nhu cầu dùng nước. Ưu tiên nguồn vốn từ các chương trình, dự án ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh (nguồn vốn đầu tư công) để đầu tư các công trình hồ đập và các công trình trạm bơm công suất lớn do Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh quản lý; đối với các công trình trạm bơm do UBND cấp xã quản lý đề nghị các xã, phường tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch, ưu tiên bố trí nguồn lực từ nguồn đầu tư công cấp x; chủ động huy động nguồn lực địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư nâng cấp các công trình trên địa bàn.

- Tổ chức rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn (đặc biệt đối với các hệ thống công trình thủy lợi lớn như: Hệ Thống thủy lợi Ngàn Trươi, Kẻ Gỗ, Sông Rác, Sông Tiêm, Đá Hàn, Sông Nghèn, Thượng Sông Trí...), điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh nhiệm vụ của công trình (trường hợp cần thiết) phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế nhằm khai thác đa mục tiêu, phát huy tiềm năng, giá trị công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tập trung khảo sát, đánh giá tổng thể hồ chứa, bao gồm dung tích thực tế, vùng tưới, diện tích phục vụ và nhu cầu sử dụng nước (đặc biệt một số hồ đập lớn như: Kẻ Gỗ, Ngàn Trươi, Sông Rác, Thượng Sông Trí, Đá Hàn, Kim Sơn...) để xây dựng kế hoạch tưới hàng năm sát với nhu cầu thực tế tưới của các công trình, đồng thời làm cơ sở quản lý, điều hành phòng chống thiên tai đối với các công trình trọng điểm hàng năm. Trước mắt đối với công trình hồ chứa trọng điểm do Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh quản lý giao Công ty xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Đối với nhiệm vụ khảo sát, đánh giá tổng thể các hồ chứa trên địa bàn toàn tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan xây dựng Đề cương nhiệm vụ để tổ chức thực hiện.

- Tăng cường quản lý, giám sát chất lượng và an toàn công trình; thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật Thủy lợi (bản đồ ngập lụt, phương án ứng phó khẩn cấp, cấm mốc hành lang bảo vệ công trình...). Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số trong quản lý, khai thác; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu quản lý vận hành hiện đại.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thành lập, kiện toàn các tổ chức Thủy lợi cơ sở (HTX nông nghiệp có dịch vụ thủy lợi, HTX dùng nước, Tổ hợp tác... ..) phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và quy mô hệ thống công trình thủy lợi do địa phương quản lý. Trước mắt giao UBND các xã tổ chức rà soát và kiện toàn theo hướng một xã chỉ thành lập 01 tổ chức Hợp tác dùng nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn (cam, bưởi, chè...), áp dụng quy trình tưới cho lúa theo công nghệ tưới ngập khô xen kẽ (AWD) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm thất thoát nước tưới, giảm chi phí nhân công, nâng cao năng suất cây trồng, giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt và thích ứng biến đổi khí hậu.

### 4.3. Về kênh mương

- Đối với hệ thống kênh chính (kênh chính, kênh cấp 1, 2, ... và kênh vượt cấp) do Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh quản lý, khai thác tiếp tục giao Công ty tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng công trình (đánh giá năng lực, hiệu quả phục vụ, hiện trạng hư hỏng xuống cấp, sự cần thiết nâng cấp sửa chữa, sắp xếp thứ tự ưu tiên) để tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi từ đầu môi đến hệ thống kênh mương, khu tưới. Ưu tiên bố trí nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để sửa chữa lớn các hạng mục công trình, đầu tư kiên cố hóa đối với các tuyến kênh chưa kiên cố, sửa chữa các tuyến kênh chính bị hư hỏng xuống cấp; đối với các hạng mục sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên, tu sửa các tuyến kênh đã kiên cố nhưng bị hư hỏng thì bố trí nguồn vốn của Công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với kênh mương nội đồng do địa phương quản lý: Để hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất, với mục tiêu đề ra đến năm 2030 có 80% kênh mương nội đồng được kiên cố hóa, theo đó mỗi năm cần kiên cố hóa bình quân 60km (tương ứng mỗi xã kiên cố hóa khoảng 1km mỗi năm, trừ các xã không có hệ thống kênh mương tưới) tiếp tục tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng để tổ chức thực hiện.

### 4.4. Về đê điều và PCTT

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình đê điều đáp ứng được yêu cầu chống chịu mưa, lũ lớn, dài ngày, kết hợp các giải pháp chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai bất lợi; trước mắt cần tập trung xóa bỏ những trọng điểm xung yếu về đê, kè, công trọng độ tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến đê đảm bảo chống được bão lũ theo tần suất thiết như: đê Hội Thống (xã Đan Hải), đê Cẩm Nhượng (xã Thiên Cầm), đê Hoàn Định (phường Sông Trí), tuyến đê biên xã Cổ Đạm...; đầu tư công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, đặc biệt là lưu vực sông Ngân Phố, Ngân Sâu, sông Rác và các vùng cửa sông. Đầu tư nạo vét hệ thống tiêu thoát lũ, nhất là các trục tiêu thoát lũ chính<sup>12</sup> đảm bảo việc tiêu thoát lũ nhằm giảm thiểu ngập lụt

- Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm mưa, lũ: Đầu tư lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc dự báo, cảnh báo phục vụ phòng chống thiên tai, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành phục vụ công tác điều tiết lũ... Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo, quản lý, vận hành;

- Bảo vệ, dành không gian thoát, chứa nước lũ, nước mưa: quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông nhất là trên các tuyến sông lớn đang bị suy thoái lòng dẫn, gia tăng nguy cơ sạt lở đất, xâm nhập mặn, hạ thấp mực nước, ảnh hưởng đến khả năng lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh. Rà soát phương án tiêu thoát nước của các đô thị, chủ động dành không gian cho trữ nước, thoát nước, triển khai các biện pháp nhằm bảo đảm tiêu thoát nước, chống ngập úng trong bối cảnh mưa lớn do tác động của biến đổi khí hậu

- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành khi có tình huống thiên tai lớn, phát triển hạ tầng viễn thông chống chịu được với các tình huống thiên tai (Ưu tiên xây dựng hệ thống quản lý, điều hành trực tuyến, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống kết nối cơ sở dữ liệu liên ngành); sẵn sàng

12. Hệ thống tiêu thoát lũ vùng hạ du Kè Gồ, hệ thống rào Mỹ Dương; hệ thống tiêu thoát lũ đập sông Quèn, kênh Xô Viết, đập sông Nạc, hệ thống tiêu thoát lũ thuộc các vùng Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ ...).

nguồn lực, chuẩn bị vật tư phương tiện, lực lượng tại những vùng trọng điểm thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Nâng cao khả năng phục hồi và tái thiết sau thiên tai như: nâng lực cứu trợ khẩn cấp, khôi phục sản xuất, khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và bền vững, đa dạng hóa nguồn lực cho khắc phục hậu quả thiên tai. Ưu tiên nguồn lực từ trung ương và địa phương cho khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết những khu vực bị ảnh hưởng, thiệt hại nghiêm trọng do thiên tai, chú trọng đảm bảo chỗ ở và sinh kế cho người dân sau thiên tai.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Đê điều và Phòng, chống thiên tai: kiện toàn, củng cố, tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý đê nhân dân tại các địa phương đảm bảo hoạt động bền vững, có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

#### **4.5. Cấp nước sinh hoạt nông thôn**

- Đối với công trình hiện có: Trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, xây dựng nhiều công trình cấp nước sạch có quy mô lớn<sup>13</sup>, nguồn nước thô sử dụng từ các hồ chứa có chất lượng, trữ lượng nước đảm bảo. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 có 70% người dân nông thôn được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung, trước mắt giai đoạn 2026-2030 cần tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới các công trình hiện có (như NMN Bắc Thạch Hà, CTCN Bắc Cẩm Xuyên, CTCN xã Thạch Bằng, CTCN Khánh Lộc, NMN Cù Lây...), đảm bảo phát huy tối đa công suất của công trình; ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các công trình cấp nước đô thị để cấp nước cho vùng nông thôn lân cận.

- Đối với các công trình đã đáp ứng đủ về công suất nhưng người dân vẫn có nhu cầu sử dụng, lắp đặt đầu nối tăng thêm thì giao các đơn vị quản lý công trình chủ trì phối hợp với quyền địa phương tổ chức rà soát để hình thành một dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường ống để cấp thêm cho những vùng có nhu cầu đáp ứng nhu cầu dùng nước của người dân.

- Đối với các công trình xây dựng mới trong giai đoạn, tập trung ưu tiên thực hiện xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác theo hướng chuyển nhượng công trình cho các tổ chức, cá nhân có năng lực quản lý, vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ cho người dân nông thôn.

- Đối với những vùng đã có công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, nhưng việc đầu nối, sử dụng còn hạn chế: giao UBND các xã vùng dự án tăng cường tuyên truyền, vận động người dân hiểu rõ lợi ích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung và những nguy cơ từ việc sử dụng nước không hợp vệ sinh; tổ chức rà soát nhu cầu dùng nước của các hộ dân, đề thống nhất phương án cân đối nguồn lực các cấp (tỉnh, xã, đóng góp người dân) để vận động lắp đặt, đầu nối đồng hồ và sử dụng nước máy.

- Đối với hộ dân vùng nông thôn thuộc các xã không có quy hoạch xây dựng công trình cấp nước tập trung, hiện đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào, lụ, bể chứa nước mưa, nguồn nước từ các ao hồ, sông, suối để sinh hoạt mà chất lượng nước chưa đạt theo Quy chuẩn<sup>14</sup> QCVN 01-1:2024/BYT và các hộ dân vùng núi cao, vùng dân cư thưa thớt không thể đầu nối được với hệ thống mạng lưới cấp nước của các nhà máy cấp nước tập trung; ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án và có chính sách để hỗ trợ người dân

<sup>13</sup> Công trình cấp nước Ngàn Trươi, Công trình cấp nước Khe Xai, Nhà máy nước Cu Lây, NMN Bắc Thạch Hà, NMN Thạch Bằng, Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và vùng phụ cận ...

<sup>14</sup> Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

lắp đặt các thiết bị xử lý nước hộ gia đình với phương châm “người dân là chủ đạo, nhà nước hỗ trợ một phần”.

#### **4.6. Đề xuất chính sách:**

- Chính sách kiên cố hóa kênh mương nội đồng: Hỗ trợ UBND xã vật liệu (cát, đá, xi măng, thép) để thi công 1 km kênh mương kết cấu bằng bê tông thay vì chỉ hỗ trợ xi măng như trước đây.

*(Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo).*

- Chính sách hỗ trợ nước sạch nhỏ lẻ: Hỗ trợ 50% kinh phí (tối đa 2 triệu/hộ) lắp đặt thiết bị xử lý nước cho các hộ gia đình thuộc những vùng không quy hoạch cấp nước tập trung hoặc có quy hoạch nhưng chưa có dự án đầu tư xây dựng trong kỳ đang sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào hoặc nguồn cấp nước khác chưa đạt quy chuẩn<sup>15</sup>.

*(Chi tiết có phụ lục 04 kèm theo).*

### **5. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030**

Nguồn vốn thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

a) Tổng Nhu cầu vốn đầu tư: **9.082 tỷ đồng**, trong đó:

- Nhu cầu vốn đầu tư hệ thống thủy lợi: 2.784 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình hồ, đập hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo an toàn: 1.971 tỷ đồng

+ Đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo an toàn: 352 tỷ đồng

+ Kinh phí triển khai Luật thủy lợi: 255 tỷ đồng

+ Kinh phí hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương nội đồng: 206 tỷ đồng

- Kinh phí đề xuất các nhiệm vụ Phòng chống thiên tai: **5.054 tỷ đồng**

- Kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng mạng lưới các công trình nước sạch: **1.171 tỷ đồng**

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nhỏ lẻ và lắp đặt thiết bị xử lý nước hộ gia đình: **73 tỷ đồng (trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh là 32 tỷ đồng)**

b) Nguồn vốn

- Lồng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh: **8.411 tỷ đồng**.

- Nguồn kinh phí đầu tư của ngân sách xã: **91 tỷ đồng**.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: **579 tỷ đồng**.

2. Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư

*(Chi tiết Danh mục dự án đầu tư, phân kỳ đầu tư sắp xếp theo thứ tự ưu tiên tại các Phụ lục 5.1÷5.7 kèm theo)*

### **6. Giải pháp huy động nguồn vốn và phân bổ nguồn vốn đầu tư**

- Nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương và Địa phương): Bố trí vốn tập trung, ưu tiên cho các dự án trọng điểm, cấp bách, quy mô lớn.

<sup>15</sup>Những khu vực đảm bảo các tiêu chí trên bao gồm: Các xã Kỳ Tây, Kỳ Trung (cũ) thuộc xã Kỳ Văn; xã Kỳ Thượng (cũ) thuộc xã Kỳ Thượng; Thôn Hồng Lam, xã Xuân Giang (cũ) thuộc xã Nghi Xuân; xã Sơn Hồng, Sơn Lĩnh (cũ) thuộc xã Sơn Hồng; xã Sơn Lâm (cũ) thuộc xã Sơn Giang; xã Kim Hoa; xã Thọ Điền (cũ) thuộc xã Vũ Quang; xã Hương Trạch (cũ) thuộc xã Phúc Trạch và xã Sơn Kim 2.

- Nguồn xã hội hóa và Hợp tác công tư (PPP): Khuyến khích doanh nghiệp, tư nhân đầu tư vào, nước sạch nông thôn (các công trình có khả năng thu hồi vốn).

- Nguồn vốn ODA và ưu đãi: Tận dụng tối đa nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi từ các tổ chức quốc tế để xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại các dự án thủy lợi, công trình PCTT.

- Nguồn Quỹ PCTT: Sử dụng hiệu quả Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn quỹ hợp pháp khác để sửa chữa, nâng cấp đê điều, công trình thủy lợi và các nhiệm vụ phi công trình.

- Nguồn ngân sách xã: Đối ứng để thực hiện các chính sách kiên cố hóa KMNĐ, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và đối ứng nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình nước sạch tập trung.

## **7. Các dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư**

(1) Dự án nâng cấp, sửa chữa các hồ đập xung yếu đảm bảo an toàn<sup>16</sup> kinh phí đề xuất 559.30 tỷ đồng

(2) Dự án củng cố nâng cấp tuyến đê biển Hội Thống, xã Đan Hải, kinh phí đề xuất 550 tỷ đồng

(3) Dự án kè chống sạt lở bờ sông (Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Tứ Mỹ; Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố, đoạn qua xã Hương Sơn và Tứ Mỹ; Nâng cấp tuyến kè đê Cẩm Nhượng, xã Thiên Cầm), kinh phí đề xuất 502 tỷ đồng

(4) Dự án xây dựng, mở rộng mạng lưới cấp nước cho các xã: Hương Khê, Hương Đô, Hương Xuân và Hương Bình, kinh phí đề xuất 39,3 tỷ đồng

(5) Dự án Sửa chữa nâng cấp, mở rộng mạng lưới các nhà máy cấp nước Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đang quản lý (Đấu nổi cấp nước Nhà máy nước Thiên Lộc cấp nước cho nhà máy nước Khánh Lộc; Cải tạo nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên; Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Thạch Bằng; Sửa chữa cải tạo nhà máy nước Bắc Thạch Hà), kinh phí đề xuất 72 tỷ đồng

*(Chi tiết có phụ lục 06 kèm theo)*

## **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát các địa phương, đơn vị thực hiện đề án đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của đề án đề ra; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, PCTT và nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, PCTT và nước sạch nông thôn do Bộ, ngành Trung ương ban hành đến các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan.

<sup>16</sup> Gồm 44 công trình theo thứ tự ưu tiên: Cha Chạm, đập Hà, Mực Bài, Đập Trạng, Nước Đò, Khe Đá, Khe Cọi, Khe Còi, Đập Làng, Cu Lây - Trường Lão, Ma Leng, Khe Du, Nhâm Xá, Đập Mưng, Đập Hội, Nhà Lò, Bãi Sậy, Đập Háp, Bãi Sào, Nước Vàng, Nhà Quan, Khe Vàng, Khe Cáo, Khe Tráng, Khe Ruộng, Nhà Quan, Vực Ròng, Đá Bạc, Nhà Phan, Khe Oi, Nây Ô, Đụng Nây, Khe Đập, Kim Thành, Tráng Riêng, Đình Đe, Tri Báo, Khe Sung, hồ Đập Bạng, hồ đập Mười, Hồ 19/5, Tàu Voi, Cao Sơn, Xuân Hoa

- Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi, đề điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các lĩnh vực nêu trên do Bộ, ngành Trung ương ban hành.

- Tổ chức thực hiện phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, phương án phát triển thủy lợi trong quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022); thực hiện chương trình, dự án trọng điểm về thủy lợi, phòng, chống thiên tai...

- Chủ trì rà soát, thống kê, đánh giá và phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên đầu tư, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình cụ thể, xác định rõ các nội dung cần ưu tiên, phân định nhiệm vụ cho các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thủy lợi, phòng chống thiên tai, công tác quản lý và khai thác sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi

- Đẩy mạnh phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; chủ trì xây dựng các mô hình sử dụng nước tiến tiến, tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp; nhân rộng các mô hình hiệu quả tiến tới áp dụng trên toàn tỉnh.

- Hướng dẫn giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan tham mưu trên cơ sở nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để thẩm định chủ trương đầu tư các dự án theo quy định pháp luật hiện hành. Tham mưu, báo cáo UBND, HĐND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch ngân sách hàng năm và nguồn vốn lồng ghép do ngân sách tỉnh đảm nhận theo quy định để thực hiện có hiệu quả những nội dung của đề án được duyệt. hướng dẫn quản lý sử dụng, thanh, quyết toán nguồn kinh phí hàng năm theo quy định; phối hợp với các địa phương, đơn vị trong việc huy động, kêu gọi nguồn vốn đầu tư các công trình thủy lợi, đề điều, PCTT và cấp nước sinh hoạt nông thôn.

3. các Sở, ban ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ theo phạm vi quản lý đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm để thực hiện các mục tiêu, giải pháp của Đề án.

## 4. UBND các xã phường

- Theo tình hình thực tế của từng địa phương, chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện các mục tiêu của Đề án; tổ chức thực hiện việc lồng ghép đề án trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các Sở, ngành theo dõi, thực hiện đề này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở ban ngành khác căn cứ nội dung đề án xây dựng kế hoạch, chương trình đầu tư hàng năm theo đúng lộ trình đề án.

- Lập kế hoạch, phối hợp các Sở, ngành trong thực hiện công tác nâng cao năng lực, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ quản lý và khai thác, vận hành công trình khai thác sử dụng nước.

- Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao hiểu biết về dự án và thực hiện tốt các nội dung của Đề án.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy lợi, đê điều, PCTT trên địa bàn; tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, khai thác bảo vệ các công trình thủy lợi do các tổ chức thủy lợi cơ sở, các đơn vị thực hiện quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thủy lợi, đê điều, PCTT và nước sạch nông thôn theo phạm vi trách nhiệm của địa phương nhằm nâng cao năng lực, nhận thức và trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân. trong việc quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi, đê điều, PCTT và nước sạch nông thôn trên địa bàn.

- Hàng năm bố trí nguồn kinh phí phù hợp với phân cấp quản lý Ngân sách và khả năng cân đối để triển khai thực hiện Đề án; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, phê duyệt đối với các dự án phát triển thủy lợi, đê điều, PCTT và nước sạch nông thôn trên địa bàn xã theo phân cấp.

#### 5. Các đơn vị quản lý khai thác công trình

- Xây dựng kế hoạch khai thác, vận hành hàng năm; áp dụng, ứng dụng khoa học công nghệ trong theo dõi, giám sát tình hình mưa, dòng chảy lũ, tình hình ngập úng để có phương án khai thác, vận hành an toàn, hiệu quả.

- Xây dựng và thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng công trình được phân cấp theo quy định để nâng cao tuổi thọ công trình.

- Sắp xếp đội ngũ cán bộ tinh gọn; tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân viên, người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý vận hành công trình.

- Triển khai thực hiện phương thức đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi và các quy định có liên quan

- Triển khai thực hiện phương thức đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi và các quy định có liên quan

- Triển khai áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ trong vận hành công trình thủy lợi, đặc biệt là các công trình hồ chứa lớn, hồ chứa có tràn xả lũ điều tiết bằng cửa van nhằm đảm bảo an toàn công trình.

#### 6. Đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh

(1) Chỉ đạo các Sở ngành liên quan tham mưu bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí: để đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình đập, hồ chứa có nguy cơ mất an toàn cao nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và vùng hạ du; thực hiện các nhóm nhiệm vụ theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước.

(2) Tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí tiếp tục đầu tư (xây dựng mới các công trình cấp nước; mở rộng phạm vi cấp nước ở một số công trình chưa khai thác hết công suất; sửa chữa nâng cấp các công trình hiện có đảm bảo cấp nước ổn định) 16 công trình cấp nước sạch nông thôn trong giai đoạn 2026-2030

(3) Hỗ trợ kinh phí để các địa phương tổ chức duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê trên địa bàn, chống xuống cấp.

(4) Tháo gỡ khó khăn trong việc hỗ trợ các nguồn lực để giúp các doanh nghiệp thủy nông có nguồn kinh phí tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo

dưỡng thường xuyên công trình nhằm đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả công trình.

(5) Đề từng bước hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo Chiến lược phát triển thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai của Chính phủ ban hành cần nguồn lực đầu tư rất lớn. Vì vậy kính đề nghị UBND tỉnh tiếp tục đề xuất Chính phủ và các Bộ ngành trung ương cho chủ trương xây dựng Đề án củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống các công trình hồ đập, đê điều hiện có trên địa bàn toàn tỉnh để phục vụ nhiệm vụ đa mục tiêu, đảm bảo an toàn công trình, vùng hạ du và thích ứng với biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay.

(6) Xây dựng và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn, bố trí kinh phí hàng năm cho công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước./.

## **CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Đức Thịnh**